

Áp dụng IFRS tại Việt Nam: Những khó khăn và giải pháp cho các trường đại học đào tạo kế toán

Phan Thị Anh Đào

Học viện Ngân hàng

*Áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) trên thế giới đang ngày càng trở nên phổ biến. IFRS mang lại những lợi ích to lớn trong việc nâng cao tính minh bạch của thông tin kế toán và tạo ra ngôn ngữ kế toán toàn cầu, từ đó tiết kiệm được nhiều chi phí xã hội và dễ dàng hơn trong so sánh BCTC giữa các quốc gia. Tuy nhiên, việc áp dụng IFRS sẽ nảy sinh nhiều khó khăn, đặc biệt đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Hiện nay, doanh nghiệp Việt Nam đang chủ yếu áp dụng chế độ kế toán Việt Nam với khác biệt khá lớn so với các quy định của IFRS. Bên cạnh đó, nhân lực kế toán phần lớn chưa được đào tạo về IFRS và chưa sẵn sàng cho việc áp dụng IFRS. Bài viết đề cập đến những khó khăn trong công tác đào tạo nhân lực ngành kế toán, qua đó khuyến nghị các giải pháp cho các trường đại học trong giai đoạn đầu tiên của Đề án áp dụng IFRS tại Việt Nam.
Từ khóa: IFRS, VAS, đào tạo, kế toán, đại học*

Adoption of IFRS in Vietnam: Difficulties and solutions for universities educating and training accounting

Abstract: Adoption of International Financial Reporting Standards (IFRS) has been becoming popular throughout the world. IFRS has brought enormous benefits in promoting the transparency in accounting information and creating the global accounting language, then it helps to save huge social expenses and make it easier in comparing financial reports among countries. However, the adoption of IFRS will arise many difficulties for Vietnam, a developing country. Currently, Vietnamese enterprises are mainly applying Vietnamese accounting system with a big difference compared to IFRS. An addition, most of accountants have not been trained in ifrs so not yet willing to apply IFRS. To the extent of this paper, we discuss the difficulties in training accounting resources and recommend necessary solutions for universities in the first phase of IFRS adoption in Vietnam.

Keywords: IFRS, VAS, educating and training accounting, universities

Dao Thi Anh Phan.

Email: phananhdaohvnh@gmail.com

Banking Academy of Vietnam

Ngày nhận: 08/04/2020

Ngày nhận bản sửa: 12/05/2020

Ngày duyệt đăng: 19/05/2020

1. Giới thiệu

Áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) trên thế giới đang ngày càng trở nên phổ biến. IFRS mang lại những lợi ích to lớn trong việc nâng cao tính minh bạch của thông tin kế toán và tạo ra ngôn ngữ kế toán toàn cầu, từ đó tiết kiệm được nhiều chi phí xã hội và dễ dàng hơn trong so sánh BCTC giữa các quốc gia. Tuy nhiên, việc áp dụng IFRS sẽ nảy sinh nhiều khó khăn, đặc biệt đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Chúng ta chưa có đủ các điều kiện để xác định giá trị hợp lý, hơn nữa IFRS nguyên bản sử dụng ngôn ngữ Anh nên có thể gây cách hiểu khác nhau khi vận dụng. Nội dung của IFRS khá nhiều và phức tạp, đòi hỏi người làm nghề phải am hiểu và có tính xét đoán cao. Trong khi đó văn hóa của người Việt Nam là tránh rủi ro và sự không chắc chắn, thể hiện rõ trong các qui định kế toán, rất chi tiết và ít sử dụng các ước tính kế toán.

Hiện nay, doanh nghiệp Việt Nam đang chủ yếu áp dụng chế độ kế toán Việt Nam với khác biệt khá lớn so với các qui định của IFRS. Bên cạnh đó, nhân lực kế toán hiện nay phần lớn chưa được đào tạo về IFRS và chưa sẵn sàng cho việc áp dụng IFRS. Để áp dụng IFRS đòi hỏi sự quyết tâm thay đổi từ các cơ quản lý nhà nước, bản thân các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo kế toán, hội nghề nghiệp... Theo đó tất yếu phát sinh những khó khăn trong công tác đào tạo nhân lực ngành kế toán từ các trường đại học. Để áp dụng IFRS, các trường đại học đào tạo kế toán cần phải xác định rõ sự khác biệt trong công tác đào tạo là gì? Yêu cầu mới đặt ra như thế nào và các trường đang đối mặt với những khó khăn gì? Từ đó có định hướng thay đổi nội dung, phương pháp đào tạo gắn với IFRS, nâng cao chất lượng giảng viên và

hệ thống học liệu phục vụ trong công tác đào tạo.

Đã có một số bài viết đề cập đến vấn đề đào tạo IFRS trong các trường đại học ở Việt Nam, nhưng cách tiếp cận thực trạng và kết quả nghiên cứu của từng công trình là khác nhau. Bài viết này dựa trên việc thu thập thông tin về công tác đào tạo kế toán của một số trường đại học khối kinh tế (Đại học Kinh tế quốc dân; Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh; Học viện Ngân hàng; Học viện Tài chính; Đại học kinh tế- Đại học quốc gia Hà Nội; Đại học Ngoại thương...); thu thập thông tin về nội dung chương trình đào tạo (Khung chương trình đào tạo cử nhân ngành kế toán, đề cương, chuẩn đầu ra các môn học chuyên ngành kế toán) do các trường công bố trên website. Ngoài ra, tác giả thực hiện trao đổi, phỏng vấn thêm một số chuyên gia là giảng viên và quản lý khoa kế toán của một số trường đại học, chuyên gia kế toán và nhà tuyển dụng (về các nội dung như đào tạo IFRS trong các môn kế toán tài chính; phân phối nội dung chương trình đào tạo; kế hoạch giảng của các môn kế toán; chất lượng đội ngũ giảng viên, hệ thống học liệu, phương pháp đào tạo, trình độ chuyên môn và kỹ năng của sinh viên, cựu sinh viên...). Kết quả thu thập dữ liệu, kết hợp kinh nghiệm quản lý và giảng dạy thực tế từ Khoa Kế toán- Kiểm toán, Học viện Ngân hàng của tác giả, bài viết này đề cập các nội dung sau: (1) Chỉ ra những điểm khác biệt trong đào tạo theo IFRS tại trường đại học hiện nay; (2) chỉ ra những khó khăn trong công tác đào tạo kế toán theo IFRS; và (3) đề xuất một số giải pháp chung đối với các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam chuẩn bị áp dụng IFRS theo lộ trình (Bộ Tài chính, 2017).

2. Lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam và những điểm khác biệt trong đào tạo

theo IFRS tại trường đại học hiện nay

2.1. Lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam

Xuất phát lợi ích mang lại từ việc áp dụng IFRS, Bộ Tài chính đã triển khai nghiên cứu về khả năng áp dụng và đã tiến hành xây dựng dự án áp dụng IFRS tại Việt Nam (Bộ Tài chính, 2017), Dự thảo Đề án áp dụng IFRS tại Việt Nam gồm 3 giai đoạn, cụ thể như sau:

Giai đoạn 1: Giai đoạn chuẩn bị (2019-2021): Bộ Tài chính chuẩn bị các điều kiện cần thiết triển khai thực hiện Đề án để đảm bảo hỗ trợ các doanh nghiệp bắt đầu áp dụng IFRS từ năm 2022, như: Ban hành Thông tư hướng dẫn việc áp dụng IFRS và công bố bản dịch IFRS từ tiếng Anh sang tiếng Việt; xây dựng và ban hành các tài liệu hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ thực hiện IFRS; bổ sung, sửa đổi và ban hành mới cơ chế tài chính liên quan đến việc áp dụng IFRS; đào tạo nguồn nhân lực, quy trình triển khai.

Giai đoạn 2: Giai đoạn thử nghiệm (2022-2025): Bộ Tài chính lựa chọn một số doanh nghiệp (công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước, công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết) để lập BCTC hợp nhất theo IFRS. Doanh nghiệp FDI được phép tự nguyện áp dụng IFRS cho BCTC riêng khi doanh nghiệp FDI đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và giải trình rõ ràng, minh bạch với cơ quan thuế, cơ quan quản lý, giám sát về việc xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Giai đoạn 3: Giai đoạn bắt buộc áp dụng IFRS (từ sau năm 2025): Các công ty bắt buộc phải lập BCTC hợp nhất theo IFRS bao gồm tất cả các công ty mẹ của các tập đoàn kinh tế nhà nước, tất cả các công

ty niêm yết, tất cả các công ty đại chúng có quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết. Các doanh nghiệp khác là công ty mẹ có quyền tự nguyện lập BCTC hợp nhất theo IFRS. Các doanh nghiệp cũng được tự nguyện lập BCTC riêng theo IFRS khi doanh nghiệp đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và giải trình rõ ràng, minh bạch với cơ quan thuế, cơ quan quản lý, giám sát về việc xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

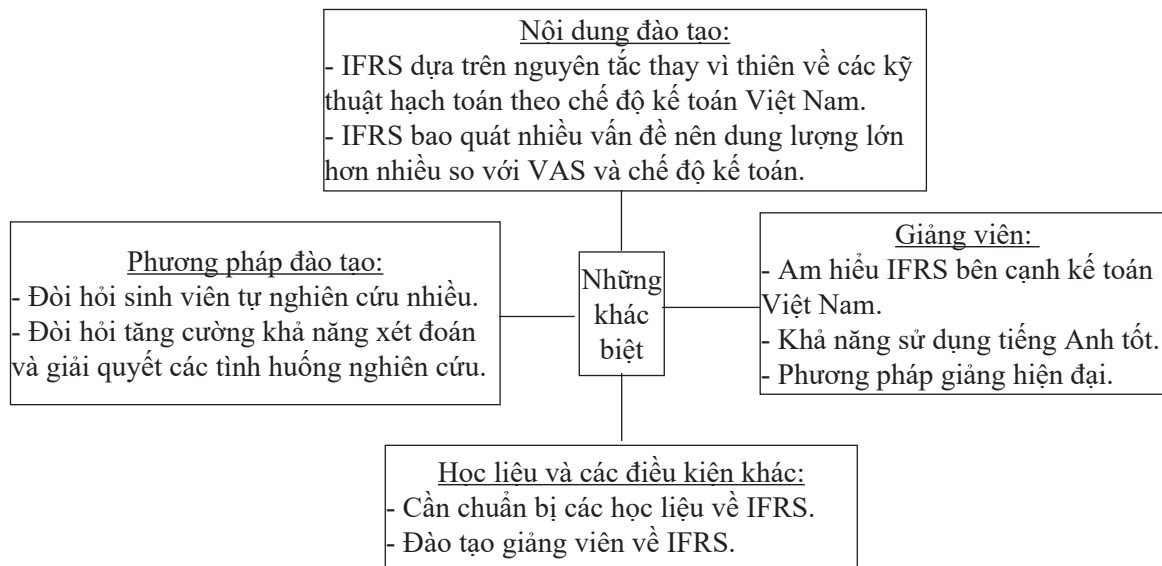
2.2. Những điểm khác biệt trong đào tạo theo IFRS tại các trường đại học hiện nay

IFRS được ban hành bởi Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế với mục tiêu cung cấp khuôn khổ quốc tế chung về lập và trình bày BCTC. IFRS thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh nhằm cung cấp thông tin BCTC hợp lý hơn. Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) được ban hành trên cơ sở vận dụng có chọn lọc IFRS và chưa cập nhật kể từ khi được ban hành. Nội dung của nhiều VAS được lược bớt so với các IFRS tương ứng, số lượng VAS cũng chưa đầy đủ. Do vậy sự khác biệt giữa IFRS và VAS ngày càng lớn, bao gồm cả sự khác biệt trong qui định của từng chuẩn mực kế toán cụ thể cũng như cả hệ thống chuẩn mực. Hiện nay đào tạo kế toán tại Việt Nam chủ yếu dựa trên các VAS và chế độ kế toán, do vậy khi chuyển sang đào tạo theo IFRS sẽ có nhiều khác biệt trong xây dựng nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo, yêu cầu về khả năng giảng viên và các điều kiện khác.

3. Những khó khăn đặt ra cho các trường đại học đào tạo kế toán theo IFRS

3.1. Về nội dung đào tạo

Mặc dù hiện nay có một số trường đại



Nguồn: Tác giả tổng hợp

học đã lồng ghép IFRS vào chương trình đào tạo kế toán, tuy nhiên con số này còn khá khiêm tốn. Những trường đại học này cũng chưa giảng dạy IFRS cho toàn bộ sinh viên ngành kế toán mà đang giới hạn cho một số chương trình đặc biệt như chương trình quốc tế, chương trình cử nhân chất lượng cao như Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng... còn các chương trình khác thì mới dừng lại ở những cấp độ mang tính giới thiệu về IFRS hoặc so sánh một số IFRS với VAS mà chưa giảng dạy sinh viên một cách có hệ thống về nội dung IFRS cũng như áp dụng IFRS để lập BCTC.

Kết quả khảo sát cho thấy, phần đông các trường đại học cũng như sinh viên ngành kế toán hiện nay chưa tiếp cận IFRS trong giảng dạy và nghiên cứu. Nội dung đào tạo chuyên ngành kế toán ở nhiều trường Đại học Việt Nam mới chủ yếu đưa VAS vào giảng dạy, nhưng nội dung giảng dạy và đánh giá sinh viên chưa đi sâu vào bản chất của các chuẩn mực kế toán mà vẫn thiên về các qui định của chế độ kế toán Việt Nam,

thậm chí một số trường đại học đào tạo các môn kế toán còn không giảng dạy về nội dung VAS, mà chỉ giảng cách thức hạch toán theo qui định của chế độ kế toán, dẫn đến sinh viên có thể thực hiện ghi nhận các nghiệp vụ theo hướng dẫn của chế độ một cách khiên cưỡng mà không hiểu bản chất và nguyên tắc hạch toán..

Khó khăn đặt ra về nội dung giảng dạy:
Thứ nhất, nội dung đào tạo theo chế độ kế toán đã in sâu và thành một thói quen của nhiều trường đại học và giảng viên. Do đó, để thay đổi hướng tiếp cận và nội dung đào tạo theo IFRS không hề đơn giản. Thứ hai, đối tượng áp dụng IFRS là một số các doanh nghiệp, trong khi số doanh nghiệp còn lại vẫn áp dụng chế độ kế toán Việt Nam nên chương trình đào tạo kế toán sẽ bao gồm cả IFRS và chế độ kế toán Việt Nam. Khó khăn cho các trường đại học đó là việc lựa chọn các nội dung IFRS giảng dạy song hành cùng chế độ kế toán Việt Nam trong thời lượng có hạn của chương trình đào tạo.

3.2. Về phương pháp đào tạo

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương đổi mới đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiều trường đại học đã nỗ lực không ngừng áp dụng các phương pháp hiện đại trong đào tạo nhằm phát huy tính tích cực chủ động, tư duy phản biện và khả năng sáng tạo của người học. Phỏng vấn các chuyên gia kế toán là cựu sinh viên ngành kế toán đang công tác trong các công ty kiểm toán lớn và doanh nghiệp cho thấy, kết quả tích cực mang lại sau quá trình đào tạo đại học là đã có nhiều sinh viên có khả năng tự học tập suốt đời, không ngừng tự cập nhật kiến thức mới, tiếp nhận tri thức nhân loại và trở thành các chuyên gia trong lĩnh vực nghề nghiệp. Tuy nhiên cũng còn nhiều sinh viên không biết cách tự đào tạo bản thân, bỡ ngỡ trong các tình huống phát sinh, khả năng thu nhận những kiến thức mới còn nhiều hạn chế do đã hình thành thói quen ỷ lại vào bài giảng của thầy cô và những kiến thức và thầy cô truyền tải. Đây là một hệ lụy của phương pháp đào tạo “cầm tay chỉ việc”, hay “giảng dạy những gì mình có chứ không giảng những gì người học cần” của một bộ phận giảng viên, dẫn đến sự thụ động của cả thầy và trò. Sinh viên không có được kỹ năng tự tìm kiếm thông tin, tự nghiên cứu ngoài giờ giảng... Với hiện thực đặt ra trong đào tạo kế toán hiện nay thì phương pháp như trên sẽ không đáp ứng được yêu cầu. Đào tạo để sinh viên hiểu và vận dụng được IFRS đòi hỏi sinh viên phải tự học khá nhiều. Khối lượng kiến thức khi đào tạo IFRS nhiều hơn so với việc đào tạo chỉ theo chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam của nhiều trường đại học ở Việt Nam hiện nay. Trong khi số giờ học trên lớp hầu như không thay đổi thì đây là một thử thách đặt ra cho cả giảng viên và sinh viên. Giảng viên phải làm thế nào để thu hút được sinh viên tự học kết hợp với học trên lớp để đạt được chuẩn đầu ra cho từng môn học cũng như

cho cả chương trình đào tạo?

Khó khăn đặt ra về phương pháp giảng dạy: Làm thế nào để thay đổi căn bản phương pháp đào tạo từ phía trường đại học và giảng viên nhằm lôi cuốn được sinh viên chủ động trong các hoạt động học tập, đặc biệt là phát huy khả năng tự nghiên cứu và cập nhật IFRS?

3.3. Về đội ngũ giảng viên

Kết quả khảo sát cho thấy, đội ngũ giảng viên dạy kế toán tại các trường đại học đang có sự cải thiện về chất lượng, đặc biệt trong khoảng 10 năm trở lại đây, số lượng các giảng viên được đào tạo ở nước ngoài về gia tăng rõ rệt. Đây cũng là bộ phận nòng cốt để triển khai đào tạo IFRS vì họ có được khả năng rất cần thiết là thành thạo tiếng Anh chuyên ngành, có thể nghiên cứu trực tiếp các tài liệu nguyên bản IFRS. Bên cạnh đó, do được đào tạo ở các quốc gia tiên tiến nên họ đã tham gia học kế toán theo IFRS và có được kiến thức nền tảng vững chắc về IFRS. Tuy nhiên một thực tế hiện nay là đội ngũ giảng viên như trên còn khá khiêm tốn. Nhiều giảng viên kế toán chưa thể tham gia đào tạo IFRS ngay được vì chưa được nghiên cứu bài bản IFRS, khả năng tiếng Anh còn hạn chế nên gặp nhiều rào cản trong việc tìm kiếm tài liệu về IFRS, không có nhiều khả năng tiếp cận các lớp học IFRS do chuyên gia nước ngoài đào tạo... Bên cạnh đó, chúng ta cũng dễ dàng thấy rằng so với VAS thì IFRS thường xuyên cập nhật, thay đổi, do vậy đòi hỏi giảng viên giảng dạy IFRS cần phải thường xuyên cập nhật được sự thay đổi này để bổ sung bài giảng.

Khó khăn đặt ra về đội ngũ giảng viên giảng dạy IFRS: Đội ngũ giảng viên đáp

ứng được yêu cầu còn khá mỏng về số lượng. Thời gian áp dụng IFRS không còn xa, để thực hiện được Đề án theo lộ trình thì việc tháo gỡ khó khăn này cần phải triển khai hết sức nhanh chóng và quyết liệt.

3.4. Về học liệu liên quan IFRS

Với nội dung đào tạo và phương pháp đào tạo như hiện nay, các tài liệu được sử dụng phổ biến làm giáo trình chính thống và tài liệu tham khảo trong đào tạo kế toán tại các trường đại học ở Việt Nam chủ yếu vẫn là giáo trình của các trường xuất bản. Nhìn chung các giáo trình và tài liệu tham khảo cơ bản vẫn tiếp cận theo chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. Cho đến nay, Bộ Tài chính vẫn đang trong quá trình dịch các IFRS sang tiếng Việt. Qua khảo sát trên các Website tại các khoa kế toán các trường đại học, khả năng tiếng Anh của sinh viên không đồng đều và chỉ một số ít sinh viên đủ khả năng nghiên cứu IFRS nguyên bản. Trong khi đó học liệu IFRS bằng tiếng Việt do các trường đại học biên dịch hầu như không có. Tài liệu nguyên bản IFRS bằng tiếng Anh như hiện nay là một rào cản khá lớn cho sinh viên trong nghiên cứu.

Khó khăn đặt ra về học liệu liên quan IFRS: Học liệu liên quan đến IFRS còn thiếu ở hầu hết các trường đại học.

3.5. Về một số yếu tố khác liên quan IFRS

+ Để đào tạo kế toán theo IFRS đòi hỏi sự đầu tư ban đầu khá lớn từ phía nhà trường, giảng viên. Đối với nhà trường, cần phải chấp nhận chi phí cho việc chuyển đổi từ đào tạo như hiện nay sang IFRS bao gồm đào tạo cho giảng viên, đầu tư hệ thống học liệu, bổ sung các chế độ đãi ngộ phù hợp cho giảng viên tham gia chương trình

nhằm khuyến khích và đẩy nhanh tiến độ đào tạo giảng viên. Tuy nhiên, không phải trường đại học nào cũng nhận thức rõ và sẵn sàng cho các khoản đầu tư này.

+ Bên cạnh đó nhận thức và thay đổi phương pháp học của sinh viên cũng rất cần thiết cho hướng đào tạo này. Chỉ nhà trường và giảng viên thay đổi thì quá trình đào tạo cũng chưa thể thành công nếu thiếu sự thay đổi từ phía sinh viên. Tình trạng thụ động và lười nghiên cứu, trình độ tiếng Anh chưa tốt hiện nay vẫn còn phổ biến trong một bộ phận không nhỏ của sinh viên cũng là một rào cản lớn cho quá trình đào tạo IFRS.

Khó khăn đặt ra: Không phải tất cả các trường đại học đã sẵn sàng chấp nhận phương án đầu tư cho việc đào tạo IFRS. Làm sao để sinh viên thay đổi phương pháp học một cách tích cực hơn?

4. Một số giải pháp cho các trường đại học đào tạo kế toán tại Việt Nam theo IFRS

4.1. Về nội dung đào tạo

Để đáp ứng tiến độ thực hiện Đề án của Bộ Tài chính, việc đưa nội dung IFRS vào chương trình đào tạo bậc đại học là hết sức cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Các trường đại học cần tiến hành rà soát chương trình đào tạo ngành kế toán và bổ sung nội dung đào tạo IFRS theo các cách thức khác nhau. Có thể nghiên cứu lồng ghép vào chương trình đào tạo các môn học trong chương trình đào tạo nghề nghiệp quốc tế ACCA, ICAEW, CPA Australia (ACCA, ICAEW, CPA Australia đều là các chứng chỉ danh giá hàng đầu trên thế giới và được hầu hết các nước phát triển công nhận và đánh giá cao trong lĩnh vực nghề nghiệp kế toán)...

các chương trình này cơ bản đào tạo theo IFRS. Chẳng hạn, chương trình đào tạo ACCA có các môn F3, F7; còn chương trình ICAEW có môn Accounting với rất nhiều kiến thức IFRS có thể lồng ghép vào các môn kế toán tài chính của các trường đại học.

Ví dụ: Chương trình chất lượng cao ngành kế toán tại Học viện Ngân hàng trong nhiều năm nay đã lồng ghép kiến thức của các tổ chức nghề nghiệp ACCA, ICAEW vào các môn kế toán tài chính nên kiến thức IFRS đã được lồng ghép trong nội dung giảng dạy của nhà trường bên cạnh kế toán Việt Nam. Bên cạnh đó, các trường tự xây dựng chương trình đào tạo kế toán và thiết kế các môn học kế toán có nội dung đào tạo IFRS theo nguyên tắc liên thông giữa các môn học nhằm đảm bảo chuỗi kiến thức IFRS được phân bổ trong cả chương trình đào tạo kế toán. Tùy thuộc vào nhu cầu và điều kiện thực tế của sinh viên có thể xây dựng chương trình đào tạo với các môn học IFRS vừa là môn bắt buộc vừa là môn tự chọn để tạo sự linh hoạt cho chương trình và phù hợp với các đối tượng sinh viên khác nhau. Trong xây dựng chương trình đào tạo cần chú trọng cấu trúc chương trình đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết, thực tiễn và phát triển đầy đủ kỹ năng mềm, năng lực tự học và tự nghiên cứu của người học.

4.2. Về phương pháp đào tạo

Với thời lượng giờ học trên lớp không thay đổi mà dung lượng kiến thức khi đào tạo theo IFRS khá lớn đòi hỏi phải phát huy khả năng tự nghiên cứu của sinh viên. Các trường đại học cần áp dụng phương pháp lấy người học làm trung tâm, chú trọng trang bị cách học, phát triển tư duy độc lập, sáng tạo của sinh viên; giảng viên

cần tập trung vào kết quả mà sinh viên thu nhận được trong quá trình tự nghiên cứu IFRS. Giảng viên sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tích cực: Thuyết trình kèm đối thoại, nêu vấn đề đối thoại, thảo luận nhóm theo chủ đề; sử dụng công nghệ trang thiết bị hiện đại nhằm phát huy tính chủ động khám phá tri thức ở các bậc nhận thức cao. Tăng cường các giờ học thực hành, thực tế doanh nghiệp kết hợp học tập với nghiên cứu khoa học với các chủ đề liên quan đến IFRS để nâng cao kiến thức IFRS cho sinh viên. Để thực hiện được điều này giảng viên vừa tham gia giảng trực tiếp vừa đóng vai trò là người hướng dẫn, điều tiết và giám sát hoạt động nhóm và quá trình học tập của từng sinh viên.

4.3. Về đội ngũ giảng viên

Xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên giảng dạy IFRS thông qua tuyển dụng mới, đào tạo chuyên môn IFRS và các kỹ năng cần thiết khác để làm chủ các phương pháp giảng dạy tích cực trong đào tạo IFRS:

+ Tiếp tục tuyển dụng các giảng viên được đào tạo bài bản ở các quốc gia phát triển về ngành kế toán theo IFRS; với các giảng viên hiện có cần khẩn trương có kế hoạch đào tạo như động viên và tạo điều kiện cho giảng viên học và thi các chứng chỉ kế toán chuyên nghiệp ACCA, ICAEW, CPA Australia... tạo điều kiện cho giảng viên tham gia học các khóa đào tạo về IFRS từ các chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước; khuyến khích giảng viên tham gia các hội thảo về IFRS và tham gia các công trình nghiên cứu về IFRS; Yêu cầu giảng viên tham gia thực tế và học tập kinh nghiệm thực tế kế toán theo IFRS tại các doanh nghiệp đã triển khai áp dụng IFRS...

+ Nâng cao trình độ tiếng Anh của đội ngũ giảng viên để họ chủ động nghiên cứu các tài liệu nước ngoài về IFRS: Tuyển dụng mới các giảng viên được đào tạo ở các quốc gia phát triển hoặc tuyển dụng giảng viên được đào tạo trong nước đạt Ielts 6.5 trở lên hoặc tương đương. Đối với các giảng viên trẻ dưới 30 tuổi đã tuyển dụng cần có kế hoạch đào tạo để họ đạt các chứng chỉ Ielts 6.0 trở lên hoặc tương đương...

+ Giảng viên không chỉ truyền đạt về chuyên môn mà còn là người biết khơi gợi, cổ vũ giúp cho sinh viên tự nghiên cứu và hăng say nghiên cứu. Đây là nhân tố quan trọng đảm bảo cho việc triển khai đào tạo IFRS trong trường đại học, vì thế giảng viên cần không ngừng nghiên cứu và học tập phát triển chuyên môn nghề nghiệp, tham gia các hoạt động thực tế nghề nghiệp và trau dồi các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm.

4.4. Về học liệu liên quan IFRS

Các trường đại học cần chủ động xây dựng hệ thống học liệu phong phú về IFRS gồm cả tiếng Anh và tiếng Việt. Có thể giao cho từng nhóm giảng viên/giảng viên đáp ứng yêu cầu tiến hành biên dịch các chuẩn mực IFRS và biên dịch các bản hướng dẫn chuẩn mực IFRS. Giao cho giảng viên biên soạn giáo trình/tài liệu học tập/tài liệu tham khảo về kế toán có nội dung IFRS theo chương trình đào tạo đã ban hành. Giao cho giảng viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về IFRS, các bài nghiên cứu, bài hội thảo và các tình huống nghiên cứu về IFRS...

4.5. Về một số yếu tố khác liên quan đào tạo IFRS

+ Trường đại học cần nhận thức rõ việc đào tạo IFRS hiện nay không chỉ là sự lựa chọn mà hướng đi cần phải thực hiện để góp phần vào công cuộc đào tạo đội ngũ nhân lực kế toán đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

+ Trường đại học cần đầu tư chi phí để phát triển hệ thống học liệu về IFRS, đầu tư cho giảng viên học tập, trau dồi chuyên môn và các kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu trong thời gian sắp tới thông qua xây dựng các cơ chế tài chính phù hợp với hướng ưu tiên đào tạo IFRS. Chẳng hạn, hỗ trợ kinh phí cho giảng viên thi các chứng chỉ quốc tế, hỗ trợ các giảng viên là hội viên các tổ chức nghề kế toán quốc tế phí hội viên hàng năm, hỗ trợ kinh phí để biên dịch các tài liệu IFRS và kinh phí thực hiện các công trình nghiên cứu về IFRS của giảng viên...

+ Về phía sinh viên cần chủ động tích cực trong quá trình đào tạo bậc đại học, nâng cao khả năng tự nghiên cứu với sự hỗ trợ từ giảng viên và nhà trường. Sinh viên cần trau dồi và nâng cao khả năng tiếng Anh, khả năng nghiên cứu độc lập và làm việc nhóm, khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề.

5. Kết luận

Áp dụng IFRS đang là vấn đề thời sự ở Việt Nam hiện nay. Để thực hiện được Đề án áp dụng IFRS tại Việt Nam cần sự vào cuộc của nhiều bên liên quan trong đó có các trường đại học đào tạo kế toán và các giảng viên kế toán. Từ kinh nghiệm quản lý và giảng dạy thực tế, đồng thời khảo sát các trường đại học qua các trang Website, phỏng vấn các cựu sinh viên, bài viết đã nêu ra những khó khăn và đề xuất giải pháp đối với các trường đại học trên

các khía cạnh: Xây dựng nội dung đào tạo kế toán theo IFRS; Thay đổi phương pháp đào tạo của trường đại học; Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo IFRS; Hoàn thiện hệ thống học liệu IFRS phục vụ giảng viên và sinh viên; Hoàn thiện các cơ chế khuyến khích để thực hiện chương trình đào tạo IFRS.

Kết quả nghiên cứu này dừng lại ở việc nêu ra vấn đề đối với các trường đại học ở các khía cạnh khác nhau trong đào tạo chuyên ngành kế toán, gồm nội dung, phương pháp đào tạo, đội ngũ giảng viên, học liệu đào tạo... Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu còn hạn chế do thiếu các minh chứng trong đánh giá thực trạng đào tạo gắn với từng nội dung của công tác đào tạo; các giải pháp đề xuất chỉ mang tính định hướng chung, chưa thật cụ thể. Đặc biệt hiện nay, năng lực đào tạo ở các

trường đại học còn nhiều khác biệt và chi phí đầu tư để đào tạo IFRS không hề nhỏ nên việc đề xuất các giải pháp cụ thể còn tùy thuộc vào năng lực của từng trường và mức học phí mà sinh viên sẵn sàng chi trả để theo học...

Do trong công tác đào tạo, các khía cạnh nêu trên đều quan trọng và có tác động tới chất lượng đào tạo. Việc xây dựng chương trình đào tạo và nội dung đào tạo kế toán gắn các kiến thức IFRS cần được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng trường, nhóm trường. Hướng nghiên cứu tiếp theo của tác giả sẽ tập trung làm rõ hơn các khía cạnh này ■

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài chính (2017), *Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế vào Việt Nam*.
2. Karreman, G. H., Ahern Jr, J., Kuijl, J., & Marrian, I. (2007). *GAE 2007, trends in global accounting education*. Truy cập ngày 2 tháng 4 năm 2020, từ < <http://www.google.com.vn>.
3. Karthik Ramann, Ewa Sletten (2009), *why do countries adopt IFRS?*. Truy cập ngày 2 tháng 4 năm 2020 từ < <https://www.google.com.vn>.
4. Nguyễn Xuân Hưng (2017). “Định hướng đào tạo Kế toán tại Việt Nam trong quá trình hội nhập chuẩn mực lập báo cáo tài chính Quốc tế IFRS”, *Kỷ yếu hội thảo IFRS định hướng và lộ trình áp dụng tại Việt Nam*, Bộ Tài chính.
5. Vo, V. N., & Nguyễn, V. T. L. (2016). “Một số ý kiến về vấn đề áp dụng IFRS vào kế toán doanh nghiệp ở Việt Nam dưới góc nhìn của người đào tạo kế toán”, *Kỷ yếu hội thảo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế- những thách thức và kinh nghiệm áp dụng*, Sở giao dịch chứng khoán TP HCM và ICAEW.
6. Truy cập website của các trường đại học, gồm:
7. https://daotao.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/daotao/CTDT-CQK59/7.Ke%20toan_K59.xls
8. <http://saa.neu.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-nganh-ke-toan-chuyen-sau-ke-toan.html>
9. <http://ueh.edu.vn/dao-tao/dai-hoc-chinh-quy/cu-nhan-chinh-quy-chuan/ke-toan-doanh-nghiep>
10. <http://soa.ueh.edu.vn/vn/chuong-trinh-dao-tao/dai-hoc-chinh-quy/143-Chuan-dau-ra-cua-sinh-vien-he-dai-hoc-chinh-quy.html>
11. [http://hvn.edu.vn:6788/acc/Uploads/2011_07_08_20Chuong_20trinh_20dai_20hoc_20chinh_20quy_20_20Ke_20toan_20_20Kiem_20toan\(1\).pdf](http://hvn.edu.vn:6788/acc/Uploads/2011_07_08_20Chuong_20trinh_20dai_20hoc_20chinh_20quy_20_20Ke_20toan_20_20Kiem_20toan(1).pdf)
12. http://hvn.edu.vn:6788/acc/Uploads/2011_07_08_20Bang_20phan_20phoi_20thoi_20gian_20_20Ke_20toan_20_20Kiem_20toan.pdf
13. <http://hvn.edu.vn/acc/vi/de-cuong-mon-hoc>
14. <https://hvtc.edu.vn/Portals/1/van-ban/.21%20KE%20TOAN.doc>
15. <https://hvtc.edu.vn/Portals/1/van-ban/2016/DCCT/KE%20TOAN%20DN.rar>
16. http://ueb.edu.vn/Uploads/Article/luumaianh/2018_3/File/3.%20Cu%20nhan%20ke%20toan.pdf
17. <http://ftu.edu.vn/list-all-categories/%C4%91%C3%A0o-t%E1%BA%A1o/%C4%91%C3%A0o-t%E1%BA%A1o-%C4%91%E1%BA%A1-h%E1%BB%8Dc-h%E1%BB%87-ch%C3%ADnh-quy.html>